TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HS-ST
Ngày: 12-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Minh Trí

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan - Là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Trung T (tên gọi khác: Bé), sinh ngày 07/8/1997 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Dung C và không xác định được cha; bị cáo chưa có vợ con.

+ Tiền án: Không.

+ Tiền sự: Ngày 22/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện N áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng, đến ngày 04/8/2017 được miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Ngày 26/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện N áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng, đến ngày 22/4/2019 được miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/10/2019. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1978 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn Linh Duy, xã K, huyện T, TP. Hải Phòng.

Địa chỉ tạm trú: khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Minh T1, sinh năm 1981. (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Khóm 4, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ tạm trú: khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 04 giờ ngày 10/10/2019, Công an huyện N phối hợp với Công an xã P tiến hành kiểm tra cơ sở game bắn cá tại ấp Đ, xã P, huyện N do anh Nguyễn Trung H làm quản lý thì phát hiện Nguyễn Văn Trung T đang chơi game bắn cá trong quán nên tiến hành kiểm tra trong người T thì phát hiện trong túi quần trước bên phải có chứa 01 gói nylon chứa tinh thể rắn màu trắng, T khai tinh thể rắn màu trắng là ma túy của T tàng trữ để sử dụng. Công an huyện N đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng tang vật và chuyển về Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N để xử lý theo thẩm quyền.

Qua quá trình điều tra, T đã khai nhận: Vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 09/10/2019 T đi bộ đến nhà nghỉ Minh Hoàng ở khu phố M, thị trấn H dùng mỏ lết mượn của anh Nguyễn Minh T1 ở tiệm sửa xe gần nhà để bẻ cửa phòng trọ của chị Vũ Thị Lan và chiếm đoạt số tiền 60.000.000đ. Sau đó, T bắt xe taxi đi đến thị trấn Long Thành, huyện Long Thành mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung với số tiền 5.000.000đ, 01 sim thuê bao 0931.268.795 để sử dụng và đem trả nợ cho anh Nguyễn Văn H số tiền 8.000.000đ. Sau khi có tiền, điện thoại thì vào lúc 14 giờ cùng ngày T điện thoại cho đối tượng tên Thảo (không xác định rõ lai lịch) mua một gói ma túy với số tiền 2.500.000đ để sử dụng. Sau khi mua được ma túy, T cất dấu ma túy ở túi quần phía trước bên phải và đi đến tiệm game bắn cá ở ấp Đất Mới, xã Phú Hội chơi game. T lấy ra một ít ma túy sử dụng, số còn lại T cất dấu ma túy ở túi quần phía trước bên phải. Đến khoảng 4 giờ ngày 10/10/2019, T đang ngồi chơi bắn cá thì bị Công an huyện N bắt giữ cùng tang vật.

Tang vật thu giữ gồm:

+ 01 gói nylon hàn kín kích thước 1,5 x 1,3cm, bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng.

+ 01 đôi dép nam màu xám; 01 cái mỏ lết màu trắng dài 20cm.

+ Một điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen có gắn thẻ sim Mobifone.

+ Số tiền 8.100.000đ thu giữ trong người của bị cáo T.

+ Số tiền 8.000.000đ do Nguyễn Văn Huân tự nguyện giao nộp, đây là số tiền mà T có được từ việc trộm cắp đem trả nợ cho anh Huân.

+ Số tiền 10.000.000đ do gia đình bị can T tự nguyện giao nộp để bồi thường cho bị hại.

Tại bản kết luận giám định số 1242/KLGĐ-PC09 ngày 17/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,8016 gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 05/CT.VKS-NT ngày 15/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Trung T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 và về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 03 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội theo quy định Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Về biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong mẫu vật ma túy còn lại sau giám định, 01 đôi dép màu xám, 01 thẻ sim Mobifone của bị cáo Nguyễn Văn Trung T.

Trả lại cho anh Nguyễn Minh T1 01 mỏ lết màu trắng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Trung T phải bồi thường cho chị Vũ Thị Lan số tiền 60.000.000đ. Số tiền thu giữ 26.100.000đ theo biên lai số 000744 ngày 15/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N được đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn Trung T không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn Trung T tại phiên tòa: Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã T hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã T hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Trung T đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp một phần lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 09/10/2019, tại khu phố M, thị trấn H, huyện N, bị cáo Nguyễn Văn Trung T đã có hành vi lén lút bẻ khóa cửa và vào nhà của chị Vũ Thị Lan chiếm đoạt của chị Vũ Thị Lan số tiền 60.000.000đ để tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, bị cáo T đi đến thị trấn L, huyện L mua 01 điện thoại Samsung với số tiền 5.000.000đ, 01 sim điện thoại 0931.268.795, trả nợ cho Nguyễn Văn H số tiền 8.000.000đ và dùng 2.500.000đ mua ma túy của một người tên Thảo (không rõ lai lịch) để sử dụng. Sau đó, bị cáo T lấy 01 ít ma túy ra sử dụng, số còn lại T cất dấu trong túi quần trước bên phải. Khoảng đến 04 giờ sáng ngày 10/10/2019 khi T đang ngồi chơi gam bắn cá ở xã P, huyện N thì bị Công an phát hiện bắt quả tang.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn Trung T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng chị L đi vắng đã bẻ khóa cửa, đột nhập vào nhà chiếm đoạt số tiền 60.000.000đ của chị L. Bị cáo T nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để tiêu xài và mua ma túy sử dụng mà bị cáo đã T hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra, làm hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đến quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng chất ma túy; làm lan tràn tệ nạn xã hội nghiện ma túy và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác. Bị cáo T là đối tượng nghiện ma

túy, bị cáo có tiền sự về việc bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bị cáo không quyết tâm cai nghiện mà tiếp tục mua ma túy tàng trữ để sử dụng.

Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian dài nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ. Tuy nhiên, bị cáo khai không có việc làm và thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn Trung T không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên Tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy cần tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong mẫu vật (ma túy) còn lại sau giám định, 01 thẻ sim Mobifone số 0931.268.795 của Nguyễn Văn Trung T, 01 đôi dép nam màu xám.

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước một điện thoại di động hiệu Sam sung màu đen.

Trả lại cho anh Nguyễn Minh T1 01 cái mỏ lết màu trắng dài 20cm.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Trung T bồi thường cho bị hại chị Vũ Thị L số tiền 60.000.000đ.

Đối với chị Vũ Thị L khai số tiền bị mất là 100.000.000đ nhưng chị L không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở để xem xét mà chỉ chấp nhận số tiền 60.000.000đ như lời khai bị cáo T.

[9] Đối với Nguyễn Văn H là người được bị cáo T trả số tiền 8.000.000đ nhưng Huân không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý là đúng.

[10] Đối với đối tượng tên Thảo là người đã bán ma túy cho T do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

[11] Đối với anh Nguyễn Minh T1 là người cho T mượn cái mỏ lết màu trắng dài 20cm nhưng anh T1 không biết T dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý là đúng.

[12] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Trung T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Trung T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Trung T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Trung T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Trung T 02 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/10/2019.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước một điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen của Nguyễn Văn Trung T.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ sim Mobifone 0931.268.795, 01 đôi dép nam màu xám của Nguyễn Văn Trung T và 01 phong bì niêm phong (mẫu vật ma túy còn lại sau giám định) số 1242/KLGĐ-PC09 ngày 17/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Đồng Nai.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Minh T1 01 chiếc mỏ lết màu trắng dài 20cm.

(Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện N đang lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/01/2020).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Trung T phải bồi thường cho chị Vũ Thị L số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Đối với số tiền thu giữ của bị cáo T là 26.100.000đ theo biên lai số 000744 ngày 15/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N được đảm bảo thi hành án cho chị Vũ Thị L.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Trung T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm